TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 02 - 2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Quốc Cường

Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị G, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2021 và tại phiên hòa giải ngày 05/02/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị G tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân hơn 10 năm nay. Vì vậy, anh L yêu cầu ly hôn với chị G.

- Về con chung: Anh và chị G có 03 người con tên Nguyễn Thúy D sinh ngày 09/3/2002, Nguyễn Mọng C sinh ngày 16/7/2005 và Nguyễn Ái D sinh ngày 28/7/2009. Sau khi ly hôn, cháu Thúy D đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với các cháu Mọng C và Ái D, anh L thống nhất giao hai cháu cho chị G nuôi dạy, vấn đề cấp dưỡng cho con không đặt ra.

- Vê tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên hòa giải ngày 05/02/2021, bị đơn chị Lê Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị G thống nhất với lời trình bày của anh L về hôn nhân, nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

- Về con chung: Chị G xác định chị và anh L có 03 người con tên Nguyễn Thúy D sinh ngày 09/3/2002, Nguyễn Mọng C sinh ngày 16/7/2005 và Nguyễn Ái D sinh ngày 28/7/2009. Sau khi ly hôn, cháu Thúy D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với các cháu Mọng C và Ái D chị G yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L, chị G.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và Lê Thị Gọn chung sống với nhau vào năm 2002, anh chị xác lập mối quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải anh L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị G, được chị G đồng ý. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn L với chị Lê Thị G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Thúy D sinh ngày 09/3/2002, Nguyễn Mọng C sinh ngày 16/7/2005 và Nguyễn Ái D sinh ngày 28/7/2009. Sau khi ly hôn đối với cháu Thúy D đã trưởng thành không bị hạn chế về năng lực dân sự nên không đặt ra xem xét; đối với các cháu Mọng C và Ái D, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu được anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh L và chị G là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Mọng C và Ái D. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao các cháu Mọng C và Ái D cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; đối với việc cấp dưỡng cho con chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị G xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn L và chị Lê Thị G là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Mọng C sinh ngày 16/7/2005 và Nguyễn Ái D sinh ngày 28/7/2009 cho chị G được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011455 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh L, chị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng